

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 151/TTr-SKHCN ngày 19 tháng 5 năm 2026,

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định quản lý các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân cấp các nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và

một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quy định chi tiết việc xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Quy định chi tiết một số nội dung cần thiết về quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 10, khoản 11 Điều 11, khoản 8 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 8 Điều 16, khoản 5 Điều 17, khoản 7 Điều 18, khoản 4 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

4. Quy định cụ thể một số nội dung về thẩm định và kiểm tra các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 6 Điều 66 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

5. Các nội dung không quy định trong Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành;
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý, thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thẩm quyền của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, gồm các nội dung:

a) Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

c) Phê duyệt nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

đ) Ký hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

e) Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ đang triển khai theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

ê) Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

g) Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

h) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

i) Giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu và thu hồi kết quả của nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3, 5, 7, 8 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

k) Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thẩm quyền của cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thành phố theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, gồm các nội dung:

a) Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Xét duyệt nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

c) Thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

d) Phê duyệt, hủy kết quả phê duyệt nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

đ) Ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

e) Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

ê) Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại

Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

g) Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

h) Đặt hàng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Trình tự, thủ tục xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố

1. Xây dựng Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố

a) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi tắt là cơ quan đề xuất) căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, lĩnh vực và của thành phố; nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế; năng lực, điều kiện nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực xã hội của thành phố và chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố (sau đây gọi tắt là Chương trình), gửi hồ sơ theo quy định tại điểm e khoản này đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình theo quy định tại điểm e khoản này, thực hiện thẩm định Chương trình theo các nội dung quy định tại điểm g khoản này và gửi báo cáo thẩm định Chương trình theo Biểu mẫu BM-04-BCTĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan đề xuất;

c) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định Chương trình, cơ quan đề xuất có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ Chương trình gửi Sở Khoa học và Công nghệ kèm theo Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định theo Biểu mẫu BM-05-BCGT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hồ sơ hoàn thiện, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đề xuất và các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Chương trình;

đ) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

e) Hồ sơ đề xuất bao gồm: Văn bản đề xuất Chương trình của cơ quan đề xuất theo Biểu mẫu BM-01-ĐXCT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; Dự thảo Chương trình theo Biểu mẫu BM-02-DTCT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; Thuyết minh Chương trình theo Biểu mẫu BM-03-TMCT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và các tài liệu khác (nếu có);

ê) Hội đồng thẩm định Chương trình do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, thành phần gồm 9 - 15 thành viên, bao gồm đại diện các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có liên quan (nếu cần) và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp;

g) Nội dung thẩm định bao gồm: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện tài trợ, đặt hàng, phê duyệt, quản lý và đánh giá các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Chương trình theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN và quy định tại Quyết định này.

b) Cơ quan chủ trì quản lý chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác của Chương trình.

3. Đánh giá Chương trình

Cơ quan chủ trì quản lý chương trình thực hiện đánh giá Chương trình theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

4. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình

Cơ quan chủ trì quản lý chương trình phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện Chương trình trước ngày 15 tháng 12 hàng năm theo Biểu mẫu BM-06-BCTH tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thành phố

Căn cứ các Chương trình được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và các quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 6. Quy định chi tiết một số biểu mẫu của hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo Biểu mẫu BM-07-ĐKNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

2. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo Biểu mẫu BM-08-TMNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

3. Thuyết minh tổng quát chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo Biểu mẫu BM-9-TMCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

4. Văn bản cam kết phối hợp hoặc đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2, khoản 8 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo Biểu mẫu BM-10-VBCC tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Quy định về Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có từ 07 đến 11 thành viên, gồm: Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên là chuyên gia phản biện và các ủy viên khác. Thành phần của Hội đồng bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có).

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, khách quan, minh bạch, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

b) Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền, các chuyên gia phản biện;

c) Hội đồng bầu 01 ủy viên không phải là chuyên gia phản biện làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Hội đồng;

d) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham dự họp thống nhất. Thành viên có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng;

đ) Giúp việc cho Hội đồng có thư ký hành chính là người do cơ quan quản lý nhiệm vụ phân công. Thư ký hành chính có trách nhiệm tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng và thực hiện các nội dung hành chính khác có liên quan.

3. Trình tự làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc của Hội đồng;

b) Chủ tịch hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền) điều

hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc của Hội đồng;

c) Hội đồng bầu thư ký khoa học và ban kiểm phiếu gồm 03 ủy viên thuộc Hội đồng, trong đó có 01 trưởng ban;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ trình bày tóm tắt trước Hội đồng các nội dung của nhiệm vụ;

đ) Đại diện cơ quan, đơn vị liên quan phát biểu ý kiến về nhiệm vụ (trường hợp cần thiết);

e) Các thành viên trình bày ý kiến nhận xét hồ sơ nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-11-PNXNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; nhận xét hồ sơ cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-12-PNXCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

ê) Hội đồng thảo luận kín (trường hợp cần thiết);

g) Các thành viên đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm quy định tại Phiếu đánh giá nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-13-PĐGNV, Phiếu đánh giá cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-14-PĐGCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

h) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng, lập Biên bản kiểm phiếu theo Biểu mẫu BM-15-BBKP và Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu đánh giá hồ sơ theo Biểu mẫu BM-16-KQKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

i) Thư ký khoa học lập Biên bản họp Hội đồng theo Biểu mẫu BM-17-BBHD tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

k) Hội đồng xem xét, thông qua Biên bản họp Hội đồng.

4. Trên cơ sở Biên bản họp Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi Thông báo ý kiến của Hội đồng cho tổ chức đề xuất theo Biểu mẫu BM-18-TBKN tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Tổ chức đề xuất thực hiện việc xem xét, tiếp thu ý kiến của Hội đồng, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến theo Biểu mẫu số 19-BM-BCGT và bổ sung dự toán kinh phí chi tiết theo Biểu mẫu số 20-BM-DTCT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Quy định về Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định thành lập theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có từ 05 đến 09 thành viên gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo cơ quan quản lý nhiệm vụ, các thành viên có chuyên môn phù hợp với nội dung cần thẩm định, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính và thư ký Tổ thẩm định.

2. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định kinh phí

a) Phiên họp của Tổ thẩm định kinh phí phải có ít nhất 3/4 số thành viên tổ thẩm định tham dự, trong đó phải có Tổ trưởng và thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính;

b) Tổ trưởng chủ trì các phiên họp của Tổ thẩm định kinh phí; các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo nội dung và tiêu chí quy định;

c) Các ý kiến của thành viên được thư ký tổng hợp, đưa vào Biên bản thẩm định. Trường hợp có thành viên không thống nhất với kết luận chung và đề nghị bảo lưu ý kiến, Tổ thẩm định kinh phí báo cáo cho Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đồng thời đề xuất phương án xử lý.

3. Trình tự làm việc của Tổ thẩm định kinh phí

a) Thư ký công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí;

b) Tổ trưởng chủ trì phiên họp của Tổ thẩm định kinh phí;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến theo Biên bản Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có);

d) Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ theo kết quả xét duyệt, xét chọn nhiệm vụ và nêu ý kiến thẩm định; thảo luận về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định. Đại diện Tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức;

đ) Tổ thẩm định hoàn thiện Biên bản họp thẩm định theo Biểu mẫu BM-22-BBTĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Tổ chức đề xuất báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí tại Biên bản họp thẩm định theo Biểu mẫu BM-23-BCKP và hoàn thiện dự toán kinh phí theo Biểu mẫu BM-21-DTKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Quyết định phê duyệt và Hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo Biểu mẫu BM-24-QĐNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Hợp đồng giao nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo Biểu mẫu BM-25-HĐNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 10. Biểu mẫu đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Biểu mẫu phục vụ hoạt động đánh giá trong kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

a) Tổ chức chủ trì chuẩn bị báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-26-BCTĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Biên bản đánh giá thực hiện theo Biểu mẫu BM-27-BBĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Biểu mẫu điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

a) Văn bản đề xuất điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ của tổ chức chủ trì theo Biểu mẫu BM-28-ĐCHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh hợp đồng của cơ quan quản lý nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-29-QĐĐC tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Biểu mẫu chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

a) Công văn đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì theo Biểu mẫu BM-30-CDNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và các tài liệu theo quy định;

b) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-31-QĐCD tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-32-BBTL tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 11. Hồ sơ, biểu mẫu, trình tự đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra, chấm dứt, thanh lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

a) Văn bản đề nghị đánh giá theo Biểu mẫu BM-33-ĐNĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện theo Biểu mẫu BM-34-BCTH tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Báo cáo sản phẩm theo Biểu mẫu BM-35-BCSP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Báo cáo tài chính, tình hình sử dụng kinh phí theo Biểu mẫu BM-36-BCTC tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Văn bản xác định mức độ đóng góp của thành viên tham gia theo Biểu mẫu BM-37-XNĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

e) Báo cáo hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-38-BCHQ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

ê) Các tài liệu theo quy định tại điểm c, d, đ, i khoản 2 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hình thức thành lập Tổ chuyên gia

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập Tổ chuyên gia có từ 05 đến 09 thành viên, gồm: Tổ trưởng, Tổ phó, các thành viên khác và thư ký hành chính giúp việc Tổ chuyên gia. Tiêu chí đối với thành viên Tổ chuyên gia thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Phương thức đánh giá của Tổ chuyên gia theo quy định tại điểm a khoản 2, Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

c) Trình tự làm việc của Tổ chuyên gia

c1) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia đánh giá, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc;

c2) Tổ trưởng hoặc Tổ phó (được Tổ trưởng uỷ quyền) chủ trì điều hành phiên họp và phân công nhiệm vụ cho thành viên trong tổ; bầu một thành viên làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Tổ;

c3) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt tình hình triển khai, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c4) Các thành viên Tổ chuyên gia thảo luận, trao đổi ý kiến đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c5) Các thành viên Tổ chuyên gia trình bày ý kiến nhận xét thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-39-NXXKQ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

c6) Tổ chuyên gia đánh giá thảo luận kín (nếu cần);

c7) Các thành viên trong tổ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu tại BM-40-ĐGNV; kết quả thực hiện cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-41-ĐGCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c8) Thư ký khoa học tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên Tổ chuyên gia vào Biên bản kiểm phiếu theo Biểu mẫu BM-42-KPĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c9) Biên bản họp theo Biểu mẫu BM-43-BBĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được Tổ chuyên gia thông qua tại phiên họp;

c10) Căn cứ Biên bản họp, Tổ chuyên gia xây dựng báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-44-BCĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hình thức thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn

a) Báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ của chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn theo Biểu mẫu BM-44-BCĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Chuyên gia tư vấn độc lập, Tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kết quả đánh giá và kiến nghị trong báo cáo đánh giá của mình.

4. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra và báo cáo giải trình, tiếp thu theo Biểu mẫu BM-45-BCHT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Biểu mẫu quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, biểu mẫu thanh lý và biên bản thanh lý hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

a) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-31-QĐCD tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-32-BBTL tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 12. Quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng

Hoạt động quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này:

1. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

a) Việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo hoặc thuê đơn vị thẩm tra kinh phí nhiệm vụ theo quy định. Trong trường hợp thành lập Tổ thẩm định kinh phí, số lượng, thành phần, nguyên tắc, trình tự làm việc của Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 8 Quyết định này;

c) Biên bản họp thẩm định kinh phí theo Biểu mẫu BM-46-BBTĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

a) Việc kiểm tra, đánh giá đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quyết định việc tự tổ chức hoặc thuê tổ chức tư vấn kiểm tra, đánh giá. Trong trường hợp thực hiện theo phương thức tự kiểm tra, đánh giá, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá để thực hiện nhiệm vụ. Thành phần đoàn kiểm tra, đánh giá gồm đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị và chuyên gia có liên quan;

c) Nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm: Tình hình thực hiện nhiệm vụ và kết quả đạt được; tình hình sử dụng kinh phí và tiến độ giải ngân kinh phí phù hợp với nội dung, công việc và kết quả đạt được; khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai và đề xuất điều chỉnh (nếu có); đề xuất, kiến nghị của tổ chức chủ trì; các nội dung khác có liên quan;

d) Biên bản kiểm tra, đánh giá theo Biểu mẫu BM-47-BBKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 mà chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì việc xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 6 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- VPCP; Bộ KH&CN;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Công báo TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng: VX, NV&KTGS;
- Lưu: VT, VX, N.T.C.Lai.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường